



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

---

*Hải Phòng, tháng 03 năm 2023*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 31



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Hà Văn Tiến**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 23 tháng 03 năm 2023



**Số. 15/BCKT-UHYHP**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán số 204/VACO/BCKiT.NV2 ngày 29 tháng 3 năm 2022.



**Nguyễn Hồng Hiến**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1117-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ  
VẤN UHY – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

*Hải Phòng, ngày 23 tháng 03 năm 2023*

**Nguyễn Đức Quỳnh**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1016-2022-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>54.453.038.791</b>	<b>51.475.252.661</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>26.923.661.222</b>	<b>21.567.888.568</b>
1. Tiền	111		26.923.661.222	21.567.888.568
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>6.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>13.926.278.037</b>	<b>17.964.646.924</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.520.307.399	12.890.666.897
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.700.000.000	4.700.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		369.348.448	373.980.027
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(663.377.810)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>890.620.329</b>	<b>1.183.934.821</b>
1. Hàng tồn kho	141		890.620.329	1.183.934.821
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.712.479.203</b>	<b>10.758.782.348</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	169.596.924	130.707.535
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.166.454.187	10.597.770.883
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		376.428.092	30.303.930
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>351.083.996.007</b>	<b>366.288.719.372</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>45.753.946.132</b>	<b>48.390.334.981</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	45.753.946.132	48.390.334.981
- Nguyên giá	222		81.518.423.437	78.826.402.063
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.764.477.305)	(30.436.067.082)
- Nguyên giá	228		53.520.000	53.520.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.520.000)	(53.520.000)
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>10</b>	<b>277.214.843.142</b>	<b>288.289.310.982</b>
- Nguyên giá	231		346.207.337.789	346.207.337.789
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(68.992.494.647)	(57.918.026.807)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>151.457.090</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	151.457.090
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.115.206.733</b>	<b>29.457.616.319</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	23.835.360.572	24.096.505.721
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		45.211.585	67.817.377
3. Lợi thế thương mại	269	11	4.234.634.576	5.293.293.221
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>405.537.034.798</b>	<b>417.763.972.033</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>202.651.454.542</b>	<b>218.284.183.733</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>53.539.153.710</b>	<b>27.543.876.633</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	400.443.421	983.493.802
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		90.722.488	287.753.108
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	282.197.623	1.013.537.802
3. Phải trả người lao động	314		2.880.532.579	2.903.992.356
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		800.291.029	637.298.418
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		969.976.590	825.042.000
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	60.893.308	72.475.988
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	46.871.494.675	19.597.681.162
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.182.601.997	1.222.601.997
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>149.112.300.832</b>	<b>190.740.307.100</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	10.891.537.176	9.820.719.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	138.220.763.656	180.919.588.100
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>202.885.580.256</b>	<b>199.479.788.300</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>202.885.580.256</b>	<b>199.479.788.300</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		107.936.700.000	107.936.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		107.936.700.000	107.936.700.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.359.240.000	14.359.240.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.389.312.824	17.389.312.824
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.053.695.948	16.210.529.817
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		8.410.694.817	8.877.607.685
- LNST chưa phân phối năm nay	421		7.643.001.131	7.332.922.132
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		46.146.631.484	43.584.005.659
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>405.537.034.798</b>	<b>417.763.972.033</b>

Nguyễn Thị Hải  
Người lập biểu

Hà Thị Tú  
Trưởng phòng TCKT



Hà Văn Tiến  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 03 năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	209.202.606.560	181.454.420.764
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		209.202.606.560	181.454.420.764
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	147.835.230.063	123.745.788.840
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		61.367.376.497	57.708.631.924
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	504.375.811	296.593.522
7. Chi phí tài chính	22	22	17.018.000.212	18.180.507.710
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.018.000.212	18.173.499.330
8. Chi phí bán hàng	25	23	17.548.606.356	17.276.641.030
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	12.476.821.391	10.466.443.038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		14.828.324.349	12.081.633.668
11. Thu nhập khác	31		1.020.772.727	741.235.081
12. Chi phí khác	32		487.554.254	116.370.147
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		533.218.473	624.864.934
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.361.542.822	12.706.498.602
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	5.133.310.074	2.171.426.065
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		22.605.792	22.605.792
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.205.626.956	10.512.466.745
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.643.001.131	7.332.922.132
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.562.625.825	3.179.544.613
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	708	549

Nguyễn Thị Hải  
Người lập biểu

Hà Thị Tú  
Trưởng phòng TCKT



Hà Văn Tiến  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>15.361.542.822</b>	<b>12.706.498.602</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		17.199.415.985	16.764.804.782
Các khoản dự phòng	03		663.377.810	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(781.440.310)	(296.593.522)
Chi phí lãi vay	06		17.018.000.212	18.173.499.330
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>49.460.896.519</b>	<b>47.348.209.192</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		7.808.718.973	(782.180.969)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		293.314.492	294.706.685
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(994.258.679)	(1.067.807.366)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12		1.432.371.495	2.780.727.919
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.439.628.842)	(18.317.661.008)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.233.676.387)	(1.117.526.326)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.443.000.000)	(1.419.430.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>34.884.737.571</b>	<b>27.719.038.127</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(3.488.559.296)	(1.615.805.195)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		277.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		504.167.583	296.593.522
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.707.118.986)</b>	<b>(1.319.211.673)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		107.394.831.838	157.622.274.853
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(122.819.842.769)	(172.608.743.872)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.396.835.000)	(5.396.835.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.821.845.931)</b>	<b>(20.383.304.019)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.355.772.654</b>	<b>6.016.522.435</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>21.567.888.568</b>	<b>15.551.366.133</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>26.923.661.222</b>	<b>21.567.888.568</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022*



**Nguyễn Thị Hải**  
Người lập biểu



**Hà Thị Tú**  
Trưởng phòng TCKT



**Hà Văn Tiến**  
Tổng Giám đốc  
*Ngày 23 tháng 03 năm 2023*



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Cảng Hải Phòng là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp trực thuộc Cảng Hải Phòng, thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2714/2000/QĐ-BGTVT ngày 18/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Kinh doanh số 0203000025 ngày 18 tháng 10 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, sửa đổi lần 15 ngày 03/04/2020.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 122 người (tại ngày 01/01/2022 là 169 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Kinh doanh và dịch vụ hàng hải (bao gồm: Vận tải thủy, vận tải đường bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hoá và cung ứng hàng hải); Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt, xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại; Đại lý tàu biển; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá siêu trường, siêu trọng bằng đường bộ và đường thủy; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo; Bán lẻ đồ uống; Cung ứng lao động tạm thời; Giáo dục nghề nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh nhà ăn, nhà nghỉ, cho thuê văn phòng; Đại lý bán lẻ xăng dầu, chất đốt; trông coi xe, bốc xếp.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có 01 Công ty con

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ cảng Hải Phòng	Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	56,3	56,3	Cho thuê văn phòng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Nợ phải thu (Tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, trong số dư hàng tồn kho đến ngày 31/12/2022 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

*Công cụ, dụng cụ:* Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

*Chi phí sửa chữa tài sản cố định:* Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

*Chi phí trả trước tiền thuê đất và chi phí liên quan:* Bao gồm chi phí để có được quyền thuê đất tại số 3 Lê Thánh Tông, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời gian thuê.

*Chi phí trả trước khác:* Chi phí trả trước khác liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05-25
Máy móc thiết bị	07-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị quản lý	03-07
Tài sản cố định khác	

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 đến 40 năm.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh năm 2022 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.000.082.736	817.787.317
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.923.578.486	20.750.101.251
<b>Cộng</b>	<b>26.923.661.222</b>	<b>21.567.888.568</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	-	-

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh tiền gửi từ trên 03 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 5%.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>9.520.307.399</b>	<b>12.890.666.897</b>
Trạm xăng dầu Lê Thánh Tông	8.754.764.353	12.365.418.869
Các đối tượng khác	765.543.046	525.248.028
<b>Cộng</b>	<b>9.520.307.399</b>	<b>12.890.666.897</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	458.730.580	-	297.388.327	-
Hàng hóa	431.889.749	-	886.546.494	-
<b>Cộng</b>	<b>890.620.329</b>	-	<b>1.183.934.821</b>	-

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>169.596.924</b>	<b>130.707.535</b>
Chi phí sửa chữa	169.596.924	3.911.051
Các khoản khác	-	126.796.484
<b>Dài hạn</b>	<b>23.835.360.572</b>	<b>24.096.505.721</b>
Chi phí để có quyền sử dụng đất	19.306.131.918	20.235.552.546
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	220.199.091	460.035.058
Chi phí sửa chữa	4.275.917.901	3.400.918.117
Chi phí trả trước khác	33.111.662	-
<b>Cộng</b>	<b>24.004.957.496</b>	<b>24.227.213.256</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	29.008.793.069	33.728.824.737	10.057.672.336	6.031.111.921	78.826.402.063
Trình bày lại	1.798.930.455	(217.872.321)	492.190.006	(2.073.248.140)	-
Tăng trong năm	1.069.071.296	-	2.289.600.000	129.888.000	3.488.559.296
Thanh lý nhượng bán	-	-	(796.537.922)	-	(796.537.922)
<b>Số cuối năm</b>	<b>31.876.794.820</b>	<b>33.510.952.416</b>	<b>12.042.924.420</b>	<b>4.087.751.781</b>	<b>81.518.423.437</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	13.914.529.267	7.732.057.671	4.362.392.449	4.427.087.695	30.436.067.082
Khấu hao trong năm	1.464.815.461	2.874.604.216	1.294.663.866	490.864.602	6.124.948.145
Thanh lý nhượng bán	-	-	(796.537.922)	-	(796.537.922)
Trình bày lại	895.196.325	76.900.000	407.127.120	(1.379.223.445)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.274.541.053</b>	<b>10.683.561.887</b>	<b>5.267.645.513</b>	<b>3.538.728.852</b>	<b>35.764.477.305</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu năm	15.094.263.802	25.996.767.066	5.695.279.887	1.604.024.226	48.390.334.981
Số cuối năm	15.602.253.767	22.827.390.529	6.775.278.907	549.022.929	45.753.946.132

Nguyên giá của Tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị 10.426.107.829 VND (ngày 01/01/2022: 8.772.183.598 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc với giá trị còn lại tại 31/12/2022 là 15.602.253.767 VND (tại 01/01/2022: 15.094.263.802 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng tại thuyết minh số 14.

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	312.868.699.229	33.338.638.560	346.207.337.789
Số cuối năm	312.868.699.229	33.338.638.560	346.207.337.789
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	40.714.803.367	17.203.223.440	57.918.026.807
Khấu hao trong năm	8.571.404.064	2.503.063.776	11.074.467.840
Số cuối năm	49.286.207.431	19.706.287.216	68.992.494.647
<b>GIÁ TRỊ CÒN</b>			
Số đầu năm	272.153.895.862	16.135.415.120	288.289.310.982
Số cuối năm	263.582.491.798	13.632.351.344	277.214.843.142

Công ty đã thế chấp toàn bộ bất động sản đầu tư trên để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng như tại thuyết minh số 15.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)**

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm các bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 181.664.277 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 181.664.277 VND).

**11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	5.293.293.221	6.351.951.866
Phân bổ trong năm	(1.058.658.645)	(1.058.658.645)
Tại ngày cuối năm	4.234.634.576	5.293.293.221

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>400.443.421</b>	<b>220.872.656</b>	<b>983.493.802</b>	<b>983.493.802</b>
Công ty TNHH Xăng dầu Nam Ninh	179.570.765	179.570.765	530.564.152	530.564.152
Công ty CP Thương mại Gia Trang	-	-	367.246.138	367.246.138
Công ty CP xây lắp kỹ thuật Hà Nội	26.202.062	26.202.062	69.313.502	69.313.502
Các đối tượng khác	194.670.594	194.670.594	16.370.010	16.370.010
<b>Cộng</b>	<b>400.443.421</b>	<b>220.872.656</b>	<b>983.493.802</b>	<b>983.493.802</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải thu, nộp trong năm VND	Số đã thực thu, nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
<b>Phải thu</b>	<b>30.303.930</b>	<b>348.535.362</b>	<b>2.411.200</b>	<b>376.428.092</b>
Thuế TNDN	-	348.535.362	-	348.535.362
Thuế TNCN	30.303.930	-	2.411.200	27.892.730
<b>Phải nộp</b>	<b>1.013.537.802</b>	<b>11.558.097.856</b>	<b>12.289.438.035</b>	<b>282.197.623</b>
Thuế GTGT	-	2.968.070.078	2.963.783.578	4.286.500
Thuế TNDN	904.420.083	5.133.310.074	5.885.141.025	152.589.132
Thuế TNCN	109.117.469	1.254.439.978	1.238.235.456	125.321.991
Tiền thuế đất	250	1.718.114.000	1.718.114.250	-
Các loại thuế khác	-	484.163.726	484.163.726	-

**14. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>60.893.308</b>	<b>72.475.988</b>
Kinh phí công đoàn	22.481.260	22.939.180
Bảo hiểm xã hội	1.595.075	1.172.035
Bảo hiểm y tế	284.903	205.583
Bảo hiểm thất nghiệp	160.328	107.448
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.371.742	48.051.742
<b>Dài hạn</b>	<b>10.891.537.176</b>	<b>9.820.719.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (1)	10.891.537.176	9.820.719.000
<b>Cộng</b>	<b>10.952.430.484</b>	<b>9.893.194.988</b>

(1) Tiền nhận ký cược, ký quỹ thuê văn phòng tại các tòa nhà.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	<b>Số đầu năm</b>		<b>Trong năm</b>		<b>Số cuối năm</b>	
	<b>Giá trị VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>	<b>Tăng VND</b>	<b>Giảm VND</b>	<b>Giá trị VND</b>	<b>Số có khả năng trả nợ VND</b>
<b><i>Vay ngắn hạn</i></b>	<b><i>14.897.681.162</i></b>	<b><i>14.897.681.162</i></b>	<b><i>105.313.656.282</i></b>	<b><i>110.119.842.769</i></b>	<b><i>10.091.494.675</i></b>	<b><i>10.091.494.675</i></b>
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông HP (1)	14.797.681.162	14.797.681.162	105.313.656.282	110.019.842.769	10.091.494.675	10.091.494.675
Đối tượng khác	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	-	-
<b><i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i></b>	<b><i>4.700.000.000</i></b>	<b><i>4.700.000.000</i></b>	<b><i>36.780.000.000</i></b>	<b><i>4.700.000.000</i></b>	<b><i>36.780.000.000</i></b>	<b><i>36.780.000.000</i></b>
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông HP (2)	4.700.000.000	4.700.000.000	36.780.000.000	4.700.000.000	36.780.000.000	36.780.000.000
<b><i>Vay dài hạn</i></b>	<b><i>180.919.588.100</i></b>	<b><i>180.919.588.100</i></b>	<b><i>2.081.175.556</i></b>	<b><i>44.780.000.000</i></b>	<b><i>138.220.763.656</i></b>	<b><i>138.220.763.656</i></b>
NH Đầu tư và Phát triển - CN Đông HP (2)	124.919.588.100	124.919.588.100	-	6.400.000.000	118.519.588.100	118.519.588.100
Bà Hà Thị Kim Cúc (3)	50.000.000.000	50.000.000.000	2.081.175.556	32.380.000.000	19.701.175.556	19.701.175.556
Đối tượng khác	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>200.517.269.262</u></b>	<b><u>200.517.269.262</u></b>	<b><u>144.174.831.838</u></b>	<b><u>159.599.842.769</u></b>	<b><u>185.092.258.331</u></b>	<b><u>185.092.258.331</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Thông tin các khoản vay**

- (1) Vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2021/4568045/HĐTĐ ngày 14/06/2021 với hạn mức 30 tỷ VND, hạn mức bao gồm toàn bộ dư nợ của các giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể phát sinh theo HĐ tín dụng ngắn hạn hạn mức số 01/2022/4568045/HĐTĐ ngày 30/06/2022; Khoản vay giải ngân theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số 3 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU367751; Khoản vay được gia hạn đến ngày 30/06/2023.
- (2) Khoản vay dài hạn BIDV – Chi nhánh Đông Hải Phòng theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Vay ngân hàng Đầu tư phát triển theo hợp đồng vay số 01/2724142/2014/HĐTĐ Ngày 23/7/2014 với tổng hạn mức là 130 tỷ VND trong thời hạn 120 tháng; Khoản vay được ân hạn trong vòng 18 tháng; Khoản vay để đầu tư giải ngân các khoản chi phí đầu tư xây dựng tòa nhà Thành Đạt (tòa nhà văn phòng cho thuê); Lãi suất vay áp dụng thả nổi có điều chỉnh 06 tháng/lần; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
  - Vay dài hạn theo hợp đồng số 01/2019/4568045/HĐTĐ ngày 28/5/2019 trong vòng 10 năm; Khoản vay giải ngân theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất được xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Mục đích vay dùng để đầu tư xây dựng Tòa nhà Thành Đạt 3; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ vốn vay.
- (3) Khoản vay dài hạn của các cá nhân theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Khoản vay với bà Hà Thị Kim Cúc theo hợp đồng tín dụng số 01/08/HĐTĐ/2021 ngày 20/08/2021 với thời hạn 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất bằng lãi suất cộng phí cho vay của Ngân hàng BIDV – Chi nhánh Đông Hải Phòng, có điều chỉnh theo lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, không có tài sản đảm bảo.

**Lịch trả nợ khoản vay dài hạn**

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	36.780.000.000	4.700.000.000
Trong năm thứ 2	56.391.175.556	16.790.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ 5	68.302.396.330	110.227.396.330
Sau năm năm	13.527.191.770	53.902.191.770
<b>Cộng</b>	<b>175.000.763.656</b>	<b>185.619.588.100</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ dài hạn đến hạn trả)	(36.780.000.000)	(4.700.000.000)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>138.220.763.656</b>	<b>180.919.588.100</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>107.936.700.000</b>	<b>14.359.240.000</b>	<b>17.389.312.824</b>	<b>15.394.442.685</b>	<b>40.404.461.046</b>	<b>195.484.156.555</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.332.922.132	3.179.544.613	10.512.466.745
Chia cổ tức	-	-	-	(5.396.835.000)	-	(5.396.835.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	(1.120.000.000)	-	(1.120.000.000)
<b>Số đầu năm nay</b>	<b>107.936.700.000</b>	<b>14.359.240.000</b>	<b>17.389.312.824</b>	<b>16.210.529.817</b>	<b>43.584.005.659</b>	<b>199.479.788.300</b>
Lợi/(lỗ) nhuận trong năm	-	-	-	7.643.001.131	2.562.625.825	10.205.626.956
Chia cổ tức bằng tiền (1)	-	-	-	(5.396.835.000)	-	(5.396.835.000)
Trích quỹ trong năm (1)	-	-	1.000.000.000	(2.403.000.000)	-	(1.403.000.000)
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>107.936.700.000</b>	<b>14.359.240.000</b>	<b>18.389.312.824</b>	<b>16.053.695.948</b>	<b>46.146.631.484</b>	<b>202.885.580.256</b>

Ghi chú:

- (1) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 21/04/2022 theo đó, phân phối lợi nhuận như sau:
- Chia cổ tức với tỷ lệ 5% trên vốn điều lệ: 5.396.835.000 VND;
  - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và Ban điều hành: 1.403.000.000 VND;
  - Trích quỹ đầu tư phát triển là: 1.000.000.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

*Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn điều lệ của Công ty đăng ký góp là 107.936.700.000 VND, danh sách cổ đông lớn của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Ông Hà Văn Tiến	42.861.000.000	39,71	35.861.000.000	33,22
Công ty TNHH Vận tải Hà Phương	14.600.000.000	13,53	14.600.000.000	13,53
Ông Cao Trung Ngoan	8.061.000.000	7,47	8.061.000.000	7,47
Bà Đào Thị Tâm	5.510.000.000	5,10	5.510.000.000	5,10
Các đối tượng khác	36.904.700.000	34,19	43.904.700.000	40,68
<b>Cộng</b>	<b>107.936.700.000</b>	<b>100</b>	<b>107.936.700.000</b>	<b>100</b>

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	107.936.700.000	107.936.700.000
- Vốn tăng trong năm	-	-
- Vốn giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	107.936.700.000	107.936.700.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.396.835.000	5.396.835.000

**Cổ phiếu**

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.793.670	10.793.670
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	10.793.670	10.793.670
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.793.670	10.793.670

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Kinh doanh xăng dầu: Chuyên kinh doanh, phân phối, bán buôn, bán lẻ xăng dầu: dầu diezen, mogas 92 và mogas 95;
- Cho thuê văn phòng: kinn doanh hoạt động cho thuê văn phòng, khách sạn và các hoạt động phụ trợ, kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Dịch vụ khác: Bao gồm dịch vụ trông giữ xe máy, xe đạp; bốc xếp; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Sửa chữa thang máy; Sửa chữa thiết bị điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Sửa chữa nhà, xưởng, kho tàng.

Việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

*Năm nay:*

Chỉ tiêu	Cho thuê văn			Cộng VND
	KD xăng dầu VND	phòng VND	Hoạt động khác VND	
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.492.070.037	80.391.504.656	46.747.986.236	244.631.560.929
2. Giá vốn cung cấp hàng hóa và dịch vụ	115.137.149.445	28.729.966.140	3.968.114.478	147.835.230.063
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.354.920.592	51.661.538.516	42.779.871.758	96.796.330.866
4. Lợi nhuận trước thuế	807.559.118	13.553.026.341	1.000.957.363	15.361.542.822
5. Nguyên giá TSCĐ bộ phận	1.123.334.551	413.014.160.974	9.903.081.733	424.040.577.258

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (tiếp theo)**

*Năm trước:*

Chỉ tiêu	Cho thuê văn			Cộng VND
	KD xăng dầu VND	phòng VND	Hoạt động khác VND	
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	95.636.641.431	74.038.805.506	11.778.973.827	181.454.420.764
2. Giá vốn cung cấp hàng hóa và dịch vụ	90.635.807.308	28.659.660.577	4.450.320.955	123.745.788.840
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.000.834.123	45.379.144.929	7.328.652.872	57.708.631.924
4. Lợi nhuận trước thuế	2.902.842.088	8.818.727.010	984.929.504	12.706.498.602
5. Nguyên giá TSCĐ bộ phận	1.123.334.551	413.014.160.974	9.903.081.733	424.040.577.258

**Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động tại Thành phố Hải Phòng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	120.413.961.180	98.254.633.308
Doanh thu cung cấp dịch vụ	88.788.645.380	83.199.787.456
<b>Cộng</b>	<b>209.202.606.560</b>	<b>181.454.420.764</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	116.219.735.812	91.603.983.612
Giá vốn cung cấp dịch vụ	31.615.494.251	32.141.805.228
<b>Cộng</b>	<b>147.835.230.063</b>	<b>123.745.788.840</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.006.524.349	1.388.905.182
Chi phí nhân công	21.539.699.252	21.418.906.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.199.415.985	16.764.804.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	21.895.282.412	20.312.272.471
<b>Cộng</b>	<b>61.640.921.998</b>	<b>59.884.889.296</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	504.167.583	265.465.288
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	31.128.234
Doanh thu hoạt động tài chính khác	208.228	-
<b>Cộng</b>	<b>504.375.811</b>	<b>296.593.522</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	17.018.000.212	18.173.499.330
Chi phí tài chính khác	-	8.380
Hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	7.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.018.000.212</b>	<b>18.180.507.710</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b><i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i></b>	<b><u>12.476.821.391</u></b>	<b><u>10.466.443.038</u></b>
Chi phí nhân viên	6.791.377.835	6.136.574.097
Chi phí dự phòng	663.377.810	-
Các khoản chi phí QLDN khác	5.022.065.746	4.329.868.941
<b><i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i></b>	<b><u>17.548.606.356</u></b>	<b><u>17.276.641.030</u></b>
Chi phí nhân viên	12.786.438.854	13.403.693.243
Chi phí khấu hao TSCĐ	342.676.368	335.883.899
Thuế, phí và lệ phí	767.989.000	569.164.400
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.651.502.134	2.967.899.488

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tại Công ty mẹ	1.901.464.638	1.364.306.128
Chi phí thuế TNDN tại Công ty con	3.231.845.436	807.119.937
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>5.133.310.074</u></b>	<b><u>2.171.426.065</u></b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	7.643.001.131	7.332.922.132
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu (*)	-	(1.403.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	7.643.001.131	5.929.922.132
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.793.670	10.793.670
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>708</u></b>	<b><u>549</u></b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được trình bày lại do việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2021 được trình bày lại là 549 VND/cổ phiếu (số đã trình bày năm trước là 679 VND/cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2022 chưa bị điều chỉnh bởi các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 do chưa có thông tin.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty	Lãnh đạo chủ chốt
Bà Hà Thị Kim Cúc	Con ông Hà Văn Tiến

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bà Hà Thị Kim Cúc</b>		
Nhận tiền vay	2.081.175.556	50.000.000.000
Lãi tiền vay	4.304.183.333	1.579.861.111

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:*

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bà Hà Thị Kim Cúc</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	50.081.175.556	50.000.000.000

*Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:*

		<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Hà Văn Tiến	Tổng GD, Thành viên HĐQT	1.091.640.000	1.007.995.000
Bà Hà Thị Kim Phượng	Phó Tổng GD, Chủ tịch HĐQT	582.967.000	548.495.000
Ông Nguyễn Tiến Quân	Phó Tổng GD	194.747.000	149.255.000
Bà Đào Thị Tâm	Thành viên HĐQT	150.000.000	127.000.000
Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên HĐQT	140.000.000	127.000.000
Ông Trần Đức Mạnh	Thành viên HĐQT	140.000.000	127.000.000
Bà Bùi Thị Hồng Hà	Trưởng BKS	150.000.000	121.000.000
Bà Nguyễn Cẩm Thủy	Thành viên BKS	70.000.000	65.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	90.000.000	75.000.000
<b>Cộng</b>		<b>2.609.354.000</b>	<b>2.347.745.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ  
TỔNG HỢP CẢNG HẢI PHÒNG**

Số 3, Đường Lê Thánh Tông, Quận Ngô Quyền,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



**Nguyễn Thị Hải**  
Người lập biểu



**Hà Thị Tú**  
Trưởng phòng TCKT



**Hà Văn Tiến**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 23 tháng 03 năm 2023

